

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

Ông Hà Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST- HNGĐ ngày 24/01/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N - sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Anh Trịnh Viết T - sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2023, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh

Hóa ngày 26/12/2013. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm, đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Tháng 7 năm 2023 chị N đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Viết T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014 và Trịnh Viết Anh Đ, sinh ngày 21/7/2018. Nguyên vọng của chị N khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Trịnh Viết Anh Đ và giao cho anh Trịnh Viết T nuôi cháu Trịnh Viết T1; chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Viết T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Trịnh Viết T thừa nhận như chị Trần Thị N trình bày về điều kiện kết hôn, ngày tháng năm và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, nên đôi khi cũng hay cãi nhau. Từ tháng 10 năm 2023, chị N đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn xin ly hôn thì anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014 và Trịnh Viết Anh Đ, sinh ngày 21/7/2018. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Viết T1; giao cho chị N được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Viết Anh Đ. Anh T và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai cháu Trịnh Viết T1 trình bày:*

- Cháu tên là Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014; cháu là con bố Trịnh Viết T và mẹ Trần Thị N. Hiện nay bố mẹ cháu đang ly hôn tại Tòa án, nguyện vọng của cháu là được ở với bố. Cháu viết bản tự khai là tự nguyện.

* Tại phiên tòa chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trịnh Viết T.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị N; xử cho chị N được ly hôn anh Trịnh Viết T. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T có 02 con chung là cháu Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014 và Trịnh Viết Anh Đ, sinh ngày 21/7/2018. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Viết Anh Đ và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Viết T1; chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Về tài sản và nợ: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trịnh Viết T có địa chỉ tại xã H, huyện Quảng Xương và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Trịnh Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Trịnh Viết T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H,

huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa 26/12/2023 là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, nên hay cãi nhau. Chị T cho rằng từ tháng 7 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân; anh T cho rằng từ tháng 10 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị N và anh T không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; anh Trịnh Viết T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T lại không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng; dẫn đến việc chị N vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trịnh Viết T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T có 02 con chung là cháu Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014 và Trịnh Viết Anh Đ, sinh ngày 21/7/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng có nguyện vọng nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Viết T1; giao cho chị N được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Viết Anh Đ. Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Cháu Trịnh Viết T1 cũng có nguyện vọng được ở với bố. HĐXX, xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị N và anh T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147;

khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị N.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Trịnh Viết T.
- Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T có 02 con chung là cháu Trịnh Viết T1, sinh ngày 06/10/2014 và Trịnh Viết Anh Đ, sinh ngày 21/7/2018.

Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Viết Anh Đ và giao cho anh Trịnh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Viết T1; chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T có quyền và N vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Viết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002096 ngày 24/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Trần Thị N, vắng mặt anh Trịnh Viết T. Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Viết T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Hợp, h Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

